



Flashcardo.com

Dúfame, že tieto tlačiteľné kartičky budú pre vás užitočné. Ak chcete nájsť ešte viac produktov s kartičkami, navštívte našu webovú stránku www.flashcardo.com/sk. Na Flashcardo.com poskytujeme online kartičky, kartičky so systémom opakovaného učenia, video kartičky a mnoho ďalšieho. Všetko zadarmo a pripravené na použitie pre študentov z celého sveta.

Autorské práva, licenčné poznámky

Tento PDF súbor je chránený autorským právom a všetky práva sú vyhradené. Tento PDF môžete voľne zdieľať s kýmkoľvek. Avšak nie je dovolené predávať tento PDF alebo jeho obsah. Ak máte akékoľvek otázky, navštívte www.flashcardo.com/sk a kontaktujte nás. Ďakujeme!

Zrieknutie sa zodpovednosti

TENTO PDF SÚBOR JE POSKYTOVANÝ „TAK, AKO JE“, BEZ ZÁRUKY AKEJKOL'VEK FORMY, VÝSLOVNEJ ALEBO PREDPOKLADANEJ, VRÁTANE, ALE NIE IBA, ZÁRUK PREDAJNOSTI, VHODNOSTI NA KONKRÉTNY ÚČEL A NEPORUŠENIA PRÁV. AUTORI ANI DRŽITELIA AUTORSKÝCH PRÁV V ŽIADNOM PRÍPADE NENESÚ ZODPOVEDNOSŤ ZA ŽIADNE NÁROKY, ŠKODY ALEBO INÉ ZODPOVEDNOSTI, ČI UŽ V RÁMCI ZMLUVY, DELIKTU ALEBO INAK, VYPLÝVAJÚCE Z TOHTO PDF SÚBORU, JEHO POUŽÍVANIA ALEBO INÝCH SÚVISIACICH ČINNOSTÍ.

Autorské práva © 2025 Flashcardo.com. Všetky práva vyhradené

Obojstranná tlač

Upozorňujeme, že tieto kartičky sú určené na obojstrannú tlač. Ak vaša tlačiareň nevie tlačiť obojstranne, stiahnite si PDF súbory s jednotlivými kartičkami na tlač.

Základy

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on

ty

ja

my

ono

ona

čo

oni / ony

vy

prečo

kde

kto

kedy

ktorý

ako

naozaj

ak

potom

nie

pretože

ale

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

všetko

to

toto

tu

a

alebo

vpravo

vľavo

tam

dopoludnia

popoludnie

teraz

večer

ráno

noc

hodina

polnoc

poludnie

deň

sekunda

minúta

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

rok

mesiac

týždeň

zajtra

dnes

včera

streda

utorok

pondelok

sobota

piatok

štvrtok

muž

žena

nedeľa

priateľka

priateľ

láska

sex

bozk

kamarát

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

chlapec

dievča

dieťa

matka

tato

mama

syn

rodičia

otec

mladší brat

mladšia sestra

dcéra

manžel

starší brat

staršia sestra

vždy

každý

manželka

už

znova

vlastne

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

viac

najviac

menej

vonku

veľmi

nikto

blízko

ďaleko

vnútri

vedľa

nad

pod

všetci

vzadu

vpredú

jar

iný

spolu

zima

jeseň

leto

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

marec

február

január

jún

máj

apríl

september

august

júl

december

november

október

juh

východ

sever

okamžite

často

západ

hoci

odrazu

Čísla

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Slovesá

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

prísť

myslieť

vedieť

nájsť

vziať

položiť

rozprávať

pracovať

počúvať

pomôcť

mať rád

dať

čakať

volať

milovať

zatvoriť

sedieť

stáť

vyhrať

prehrať

otvoriť

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

zapnúť

žiť

zomrieť

zraníť

zabiť

vypnúť

piť

sledovať

dotknúť sa

stretnúť

chodiť

jesť

nasledovať

pobozkať

staviť

opýtať sa

odpovedať

oženiť sa

stlačiť

potlačiť

ťaháť

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

bojovať

chytiť

udrieť

čítať

bežať

hádzať

počítať

opraviť

písať

kúpiť

predať

strihať

snívať

študovať

zaplatiť

sláviť

hrať

spať

strieľať

upratať

užívať si

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

kradnúť

zaútočiť

brániť

letieť

zachrániť

horieť

uhryznúť

kopnúť

pľuvať

plakať

cítiť

dýchať

smiať sa

usmievať sa

spievať

hádať sa

scvrknúť sa

rásť

skryť

kŕmiť

zdieľať

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

skákať

plávať

varovať

doručiť

kopať

zdvihnúť

cestovať

precvičovať

hľadať

zamknúť

otvoriť

maľovať

variť

modliť sa

umyť

citovať

kričať

vracať

zarábať

počítať

tlačiť

Prídavné mená

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

málo

starý

nový

správny

nesprávny

veľa

šťastný

dobrý

zlý

malý

dlhý

krátky

mladý

krásny

veľký

čierny

biely

starý

zelený

modrý

červený

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

rýchly

pomalý

žltý

spravodlivý

nespravodlivý

smiešny

bohatý

jednoduchý

náročný

slabý

silný

chudobný

hrdý

unavený

bezpečný

zdravý

chorý

sýty

vysoký

nízky

nahnevaný

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

mäkký

kyslý

sladký

hlúpy

roztomilý

tvrdý

vysoký

zaneprázdněný

šialený

prekvapený

ustarostený

malý

múdry

zlý

dobře vychovaný

oranžový

horúci

chladný

ružový

hnedý

šedý

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

ľahký

ťažký

nudný

smädný

hladný

osamelý

plochý

strmý

smutný

hlboký

široký

úzky

špinavý

obrovský

plytký

prázdny

plný

čistý

sexy

lacný

drahý

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

štedrý

statočný

lenivý

hlasný

suchý

mokrý

daždivý

slniečny

pokojný

oblačný

hmlistý

Šport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

beh

tenis

gymnastika

futbal

golf

cyklistika

potápanie

plávanie

basketbal

triathlon

maratón

turistika

box

vzpieranie

stolný tenis

snoubording

krasokorčuľovanie

bedminton

ľadový hokej

bežecké lyžovanie

lyžovanie

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

plážový volejbal

hádzaná

volejbal

bejzbal

kriket

ragby

skoky do vody

vodné pólo

americký futbal

veslovanie

plachtenie

surfovanie

parašutizmus

tanec

jóga

kolky

poker

šach

balet

Zvieratá

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

kôň

krava

prasa

opica

ovca

pes

kura

medveď

mačka

včela

motýľ

kačica

had

pavúk

ryba

zajac

myš

tiger

slon

somár

lev

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

komár

chrobák

holub

veľryba

mravec

mucha

slimák

delfín

žralok

ľadový medveď

panda

žaba

klokan

koala

vlk

hroch

líška

žirafa

labuť

havran

netopier

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

tučniak

sova

čajka

vážka

húsenica

papagáj

morský koník

chobotnica

kalmár

krab

medúza

tuleň

krokodíl

korytnačka

dinosaurius

Krajiny

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Ázia

Európa

Španielsko

Spojené kráľovstvo

Afrika

Francúzsko

Taliansko

Švajčiarsko

Singapur

Thajsko

Nemecko

Izrael

Japonsko

Rusko

Spojené štáty americké

Čína

India

Čile

Kanada

Mexiko

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Južná Afrika

Argentína

Brazília

Líbya

Maroko

Nigéria

Egypt

Alžírsko

Keňa

Austrália

Nový Zéland

Telo

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

vlas

nos

hlava

oko

ucho

ústa

srdce

noha

ruka

zadok

krk

mozog

noha

koleno

rameno

prsník

brucho

paža

jazyk

zub

chrbát

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

prst na nohe

prst

pera

pečeň

pľúca

žalúdok

črevo

oblička

nerv

líce

brada

čelo

malíček

palec

fúzy

ukazovák

prostredník

prstenník

chrbtica

päta

necht

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

kostra

kosť

sval

močový mechúr

stavec

rebro

vagína

tepna

žila

semenník

penis

spermia

Dom

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

kúpeľňa

kuchyňa

dvere

záhrada

spálňa

obývačka

suterén

stena

garáž

strecha

schody

toaleta

hrnček

nôž

okno

šálka

tanier

pohár

pracovný stôl

miska

odpadkový kôš

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

sprcha

zrkadlo

posteľ

hodiny

obraz

pohovka

sused

stolička

stôl

podkrovie

balkón

výťah

palička

varecha

komín

vidlička

lyžica

príbor

panvica

hrniec

naberačka

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

záclona

knižnica

žiarovka

deka

vankúš

matrac

šatník

šuplík

polica

váha

metla

vedro

osuška

vaňa

kôš na bielizeň

uterák

toaletný papier

mydlo

poštová schránka

rebrík

umývadlo

hàng rào

plot

Jedlo

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

mlieko

syr

vajíčko

kosť

mäso

ryba

cukor

chlieb

olej

koláč

sladkosť

čokoláda

čaj

káva

voda

šalát

víno

pivo

raňajky

dezert

polievka

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

večera

obed

jogurt

maslo

zmrzlina

šunka

losos

tuniak

morčacie

klobása

slanina

bravčové

hovädzie

kuracie

huba

tekvica

jahňacie

pór

cesnak

hl'uzovka

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

sladký zemiak

baklažán

zázvor

čili paprička

uhorka

mrkva

zemiak

cibuľa

paprika

brokolica

kapusta

karfiol

bambus

špenát

hlávkový šalát

hrášok

zeler

kukurica

jablko

hruška

fazuľa

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

datľa

figa

oliva

lieskový oriešok

mandľa

kokos

mango

banán

arašid

ananás

avokádo

kivi

žltý melón

hrozno

dyňa

jahoda

čučoriedka

malina

marhuľa

slivka

čerešňa

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grep

citrón

broskyňa

mäta

paradajka

pomaranč

vanilka

škoric

citrónová tráva

kari

čierne korenie

soľ

ocot

tofu

tabak

múka

sójové mlieko

rezanec

pšenica

ovos

ryža

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

med

orech

sója

lievanec

žuvačka

džem

mafin

puding

sušienka

pomarančový džús

energetický nápoj

šiška

kola

mliečny koktail

jablkový džús

rum

koktail

horúca čokoláda

jedálny lístok

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

suši

špagety

morské plody

kuracie krídelká

čipsy

pukance

majonéza

horčica

hranolky

párok v rožku

sendvič

paradajková omáčka

burger

Škola

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

domáca úloha

knižnica

kniha

veda

hodina

skúška

pero

umenie

dejepis

druhý

prvý

ceruzka

výskum

štvrtý

tretí

slovník

športové ihrisko

stupeň

geometria

zošit

semester

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

ekonomika

filozofia

politika

matematika

biológia

telesná výchova

chémia

literatúra

zemepis

guma

pravítko

fyzika

lepidlo

lepiaca páska

nožnice

3%

kancelárske sponky

guľôčkové pero

meter kubický

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

meter

míľa

meter štvorcový

decimeter

centimeter

milimeter

násobenie

odčítanie

sčítanie

objem

plocha

delenie

trojuholník

štvorec

obdĺžnik

mililiter

liter

kruh

gram

kilogram

tona

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

lievik

mikroskop

magnet

prednáška

laboratórium

Príroda

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

ohň

popol

hviezda

Slnko

Mesiac

jazero

pobrežie

planéta

kopec

púšť

les

údolie

rieka

skala

oceán

ostrov

hora

sneh

ľad

more

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lực địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

vietor

dážď

búrka

ruža

tráva

strom

pôda

kov

kvetina

piesok

uhlie

láva

satelit

raketa

hlina

kontinent

asteroid

galaxia

severný pól

južný pól

rovník

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

jaskyňa

dažďový prales

potok

ľadovec

breh

vodopád

sopka

kráter

zemetrasenie

hmla

povodeň

atmosféra

blesk

hrom

dúha

tajfún

teplota

búrka

vetva

mrak

hurikán

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

kmeň

koreň

list

oxid uhličitý

plast

semienko

kyslík

železo

atóm

striebro

zlato

Doprava

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

vlak

autobus

auto

lietadlo

autobusová zastávka

vlaková stanica

bicykel

nákladné auto

loď

semafor

taxík

motocykel

batéria

cesta

parkovisko

volant

airbag

motor

zadný kufor

pneumatika

bezpečnostný pás

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

metro

pokladňa

automat na lístky

električka

lokomotíva

vysokorýchlostný vlak

letisko

mikrobus

školský autobus

prvá trieda

helikoptéra

aerolína

záchranná vesta

biznis trieda

ekonomická trieda

výletná loď

ponorka

kontajner

trajekt

jachta

kontajnerová loď

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

záchranný čln

prístav

čerpacia stanica

chodník

pouličné osvetlenie

dopravná zápcha

prechod pre chodcov

stavenisko

bager

tank

diaľnica

skúter

príves

traktor

lanovka

Mesto

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

dom

škola

nemocnica

supermarket

trh

účet

farma

univerzita

byt

bar

reštaurácia

kostol

toaleta

park

telocvičňa

polícia

sanitka

mapa

predmestie

krajina

požiarnik

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

obchodný dom

záruka

dedina

hrad

mrakodrap

lekáreň

chrám

synagóga

ambasáda

radnica

mešita

továreň

nočný klub

fontána

pošta

futbalový štadión

golfové ihrisko

lavička

informačné centrum

tenisový kurt

plaváreň

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

múzeum

galéria

kasíno

akvárium

suvenír

národný park

akvapark

horská dráha

tobogan

núdzový východ

ihrisko

zoo

policajná stanica

hasiaci prístroj

požiarny hlásič

hlavné mesto

región

štát

Nemocnica

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

chirurgia

pacient

nehoda

kašeľ

horúčka

pilulka

čakáreň

jednotka intenzívnej
starostlivosti

pohotovosť

dátum spotreby

prášky na spanie

aspirín

vedľajší účinok

sirup proti kašľu

dávkovanie

kapsula

prášok

inzulín

antibiotiká

liek proti bolesti

vitamín

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

infarkt

vírus

baktéria

mŕtvica

cukrovka

hnačka

chrípka

rakovina

astma

bolešť hrdla

úpal

bolešť zubov

alergia

infekcia

bolešť brucha

striekačka

bolešť hlavy

kŕč

ultrazvuk

röntgen

barla

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

sadra

invalidný vozík

náplasť

núdzový prípad

zranenie

pulz

zlomenina

popálenina

otras mozgu

tehotenský test

antikoncepcia

Povolania

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

policajt

zdravotná sestra

doktor

detektív

kapitán

prezident

učiteľ

profesor

pilot

asistent

sekretárka

právník

kuchár

manažér

sudca

modelka

autobusár

taxikár

lekárnik

premiér

umelec

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

podnikateľ

zubár

hasič

letuška

programátor

politik

architekt

učiteľka v škôlke

vedec

prokurátor

konzultant

účtovník

hostinský

bodygard

generálny riaditeľ

vojak

ochranka

časník

inštalatér

upratovač

rybár

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhà nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

recepčný

poľnohospodár

elektrikár

kaderník

pokladník

poštár

fotograf

novinár

autor

hudobník

spevák

plavčík

tréner

reportér

herec

rozhodca

Podnikanie

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stres

kancelária

peniaze

oddelenie

personál

poistenie

list

adresa

plat

emailová adresa

url

telefónne číslo

podpis

email

webová stránka

zákazník

zisk

strata

heslo

kreditná karta

čiastka

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

zasadacia miestnosť

daň

bankomat

ľudské zdroje

IT

vizitka

marketing

účtovníctvo

právne oddelenie

zamestnávateľ

kolega

predaj

prezentácia

poznámka

zamestnanec

projektor

pečiatka

fascikel

obálka

známka

balíček

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

burza cenných papierov

investícia

prehliadač

úrok

minca

bankovka

bankový účet

číslo účtu

pôžička

Zariadenia

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

fotoaparát

televízor

telefón

klimatizácia

ventilátor

rádio

vysávač

hriankovač

kávovar

umývačka riadu

kanvica

fén

mikrovlnka

rúra

sporák

ovládač

práčka

chladnička

klávesnica

myš

slúchadlo

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skener

USB kľúč

pevný disk

laptop

obrazovka

tlačiareň

reproduktor

robot